

Bản án số: **171/2021/DSPT**
Ngày: 05/5/2021

V/v tranh chấp: “Thừa kế QSD đất và HĐ tặng cho QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Thẩm phán:*

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyên**.

2. Ông **Lê Hoàng Hiệp**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Từ Thị Kỳ**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **05** tháng **5** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 475/2020/TLST-DS ngày 20/11/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 266/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 587/2020/QĐ-PT ngày 25/11/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

* *Bị đơn:* Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Anh **Lê Minh V**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Kim, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1955. (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thới Hòa, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1962. (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà **Lê Thị M1**, sinh năm 1963. (có mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ, xã Kim Sơn, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1955. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Hòa, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Bích T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

7. Bà **Lê Thị Kim C1**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Phú Thuận, xã Phú Phong, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim C1: Anh Lê Minh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

8. Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1941. (chết ngày 30/10/2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

8.1 Chị **Huỳnh Thị Kim Chi**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 125/114 Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

8.2. Anh **Huỳnh Trọng Nghĩa**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 72/23/9E đường số 30, phường 6, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.

9. Ông **Lê Văn U**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Phú Long, xã Phú Phong, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, bà Lê Thị B và chị Huỳnh Thanh T: Anh Lê Minh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền

5. Chị **Nguyễn Lê Ngọc D**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

6. Chị **Nguyễn Lê D**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

** Người kháng cáo: Bị đơn Lê Minh T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:*

Bà Lê Thị C (1929- 2011) là cô ruột bà. Cha của bà C là ông Lê Văn M, đã chết trước năm 1975. Mẹ ruột bà C là bà Nguyễn Thị C, đã chết trước năm 1975. Chồng bà C là ông Võ Văn M, chết trước năm 1975. Bà C không có con. Bà C có hai người anh trai là ông Lê Văn B (1924-1997) và Lê Văn H (1912-1956).

- Ông Lê Văn B có 10 người con gồm: ông Lê Văn B, bà Lê Thị B, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thị Kim C1 và Lê Minh T.

- Ông Lê Văn H có 02 người con: Lê Văn U và Lê Thị T1.

Lúc sinh thời, bà Lê Thị C có sở hữu, sử dụng diện tích đất 870m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 476, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996.

Năm 2011, bà C bị bệnh bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng bà C cho đến khi qua đời. Bà C chết không để lại di chúc. Sau khi bà C chết, ông Lê Văn B lấy quyền là anh lớn giao toàn bộ phần đất của bà C cho Lê Minh T sử dụng. Tuy nhiên, từ ngày nhận đất của bà C thì Lê Minh T không canh tác và chăm sóc vườn cây, không sửa sang, chăm lo mồ mã cho bà C, bà là người thờ cúng bà C từ ngày bà C mất cho đến nay.

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Lê Thị C chết để lại là diện tích đất 870m² đất, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 476, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do bà Lê Thị C đứng tên quyền sử dụng đất, bà yêu cầu được chia toàn bộ thửa đất, bà sẽ chia lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác theo định giá của Tòa án.

** Bị đơn anh Lê Minh T trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của bà T về hàng thừa kế của Lê Thị C. Khi còn sống bà Lê Thị C có sở hữu, sử dụng diện tích đất 870m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 476, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh giữ. Khi còn sống bà C đã tặng cho toàn bộ phần đất nêu trên cho anh Lê Minh V vào năm 1998, chưa sang tên. Sau khi bà C mất anh V đã tặng cho anh toàn bộ phần đất nêu trên.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì anh không đồng ý vì phần đất đất trên anh đã được anh Lê Minh V tặng cho. Nếu Tòa án không công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh V, bà C và chia thừa kế theo yêu cầu của bà T thì anh yêu cầu được chia 01 kỷ phần và yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất nêu trên, chia lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Anh Lê Minh V trình bày: Vào năm 1976, bà Lê Thị C không có đất để cất nhà ở, cha ruột của anh là ông Lê Văn B có xin chính quyền lúc bấy giờ cấp cho bà C 870m² đất để cất nhà ở.

Năm 1985, bà C đem anh về nuôi dưỡng. Anh có tên trong sổ hộ khẩu với bà C

nhưng không sống cùng với bà C mà chỉ tới lui chăm sóc bà C. Năm 1998, bà C đã cho anh phần đất nêu trên, anh canh tác và nuôi dưỡng cho đến năm 2011 thì bà C qua đời. Việc tặng cho chỉ nói miệng không có giấy tờ gì, anh chưa làm thủ tục sang tên. Hiện phần đất trên anh đã cho anh Lê Minh T canh tác. Nay anh yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bằng miệng năm 1998 giữa bà C và anh đối với phần đất 870m² nêu trên.

- Bà Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Thị C, Lê Thị M, Lê Thị M1, Lê Thị Kim C1, Lê Văn U và bà Lê Thị T1 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà T, các ông, bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Lê Thị C chết để lại là 870m² đất, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 476, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp PH, xã PP do bà Lê Thị C đứng tên quyền sử dụng đất, bà yêu cầu được nhận đất nhưng giao đất lại cho bà T quản lý sử dụng, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị kỷ phần cho các ông, bà theo định giá của Tòa án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn B trình bày: Ông từ chối nhận di sản do bà C để lại, mọi vấn đề về di sản của bà C do những người thừa kế khác tự định đoạt, ông không có yêu cầu hay ý kiến gì.

- Bà Lê Thị B trình bày: Bà từ chối nhận di sản do bà C để lại, mọi vấn đề về di sản của bà C do những người thừa kế khác tự định đoạt, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì.

- Ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Lê Ngọc D và chị Nguyễn Lê D thống nhất trình bày: Gia đình gồm ông là chồng, bà Lê Thị Bích T (vợ), Nguyễn Lê Ngọc D (con), Nguyễn Lê D (con), từ năm 2009 bà C có cho gia đình ông sử dụng một lối đi trên đất của bà C để đi ra đường công cộng, lối đi có chiều ngang 01m, dài khoảng hơn 30m, gia đình ông có đồ đạc để sử dụng từ năm 2009 cho đến nay. Ngoài lối đi này gia đình ông không có lối đi nào khác. Nay yêu cầu giao đất cho bà T để gia đình ông có lối đi để sử dụng.

- Chị Huỳnh Thanh T trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của chồng chị là anh Lê Minh T, các tài sản trên đất là của hai vợ chồng. Tuy nhiên, nếu có hoàn giá trị tài sản trên đất thì chị đồng ý để một mình a T đứng ra nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Lê Minh V về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 1998 giữa bà Lê Thị C và anh Lê Minh V đối với thửa đất số 476, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 730m², loại đất T+Q, địa chỉ thửa đất ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996 do bà Lê Thị C đứng tên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị H; Lê Thị L; Lê Thị M; Lê Thị M1; Lê Thị C; Lê Thị Kim C1; Lê Thị T1; ông Lê Văn U về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Lê Thị C:

- Chia cho bà Lê Thị Bích T diện tích đất 730m², loại đất T+Q, địa chỉ thửa đất: ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996 do bà Lê Thị C đứng tên, đất có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 477; Tây giáp thửa 468; Bắc giáp thửa 475; Nam giáp Rạch Chàm (có sơ đồ đo đạc tứ cận kèm theo) và các tài sản trên đất gồm:

- + Dừa loại A: 06 cây; B1 03 cây; B2 02 cây
- + Bưởi loại D: 01 cây.
- + Sầu riêng loại C: 18 cây.
- + Điều loại B2: 01 cây.
- + Chuối loại A: 02 bụi
- + Tre loại 2: 01 bụi.
- + Sabô loại D: 01 cây.
- + Hệ thống tưới nước (bao gồm 01 motor 1,5HP và ống dẫn tưới PVC).
- + Đường đal, có diện tích 33m x 1m.

Bà Lê Thị Bích T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Bích T hoàn lại cho anh Lê Minh T giá trị kỷ phần là 36.500.000đồng và 15.051.000đồng giá trị tài sản trên đất.

- Bà Lê Thị Bích T hoàn lại cho bà Lê Thị H, Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Kim C1 và ông Lê Văn U giá trị kỷ phần của mỗi người là 36.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 01 tháng 9 năm 2020, anh Lê Minh T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng phần đất cho anh tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, anh Lê Minh T có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu sửa án sơ thẩm, ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị Kim C1, ông Lê Văn B và bà Lê Thị B giao cho anh được hưởng kỷ phần thừa kế, anh yêu cầu được toàn bộ diện tích 730m², có trừ lối đi gia đình bà Lê Thị Bích T đang sử dụng và anh trả giá trị kỷ phần cho các thừa kế khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lê Minh T yêu cầu được nhận bằng hiện vật toàn bộ diện tích đất thửa 476 diện tích 870m² và hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp

luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Bị đơn Lê Minh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh; ở giai đoạn sơ thẩm, ông Lê Văn B và bà Lê Thị B từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị C, nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Ở giai đoạn phúc thẩm, ông Lê Văn U, bà Lê Thị H, bà Lê Thị C và bà Lê Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; bà Lê Thị Kim C1 nhường kỹ phần thừa kế cho anh Lê Minh T. Đề nghị Hội đồng áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án bản án sơ thẩm số 226/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Lê Minh T phù hợp Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị T1 không kháng cáo, nhưng vào ngày 30/10/2020, Lê Thị T1 chết, các bên đương sự thống nhất trình bày bà Lê Thị T1 có chồng tên Huỳnh Văn Tính (1934-1945), có người con 4 người con gồm Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Trọng N, Huỳnh Thị Thu T (1968-2014, không chồng, con) và Huỳnh Thị Ngọc C (1970-2009). Do đó, Tòa án đưa 02 người con còn lại thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C; chị Nguyễn Lê Ngọc D; chị Nguyễn Lê D, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị T1 là anh Huỳnh Thị Kim Chi và Huỳnh Trọng Nghĩa vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn C; chị Nguyễn Lê Ngọc D; chị Nguyễn Lê D, chị Huỳnh Thị Kim C và anh Huỳnh Trọng N theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Minh V về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Lê Minh V và bà Lê Thị C, nhưng anh Lê Minh V không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung này.

[3] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thống nhất của các đương sự, bản án sơ thẩm xác định bà Lê Thị C (1929-2011) không còn hàng thừa kế thứ nhất và hàng thừa kế thứ hai, chỉ có hàng thừa kế thứ ba của bà Lê Thị C có 12 người thừa kế gồm: ông Lê Văn B, bà Lê Thị B, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thị Kim C1, Lê Minh T (con của ông Lê Văn B); Lê Văn U và Lê Thị T1 (con ông Lê Văn Hương), là phù hợp Điều 650 BLDS năm 2015.

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 ngày 11/11/1996 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Thị C đối với thửa 476, diện tích 870m², tờ bản đồ số 1, tại ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, căn cứ 02 phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/4/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CT, tỉnh Tiền Giang thì diện tích đo đạc thực tế của thửa 476 là 730m² được chia làm 02 phần (bút lục 166, 171), như sau:

- Phần thứ nhất diện tích 588,6m² có vị trí, tứ cận:
 - + Đông giáp thửa 477 của ông Nguyễn Văn D;
 - + Tây giáp thửa 478 của bà Nguyễn Thị N;
 - + Bắc giáp thửa 475 của ông Nguyễn Văn C;
 - + Nam giáp đường bê tông
- Phần thứ hai diện tích 141,4m² có vị trí, tứ cận:
 - + Đông giáp thửa 477 của ông Nguyễn Văn D;
 - + Tây giáp thửa 478 của bà Nguyễn Thị N;
 - + Bắc giáp đường bê tông;
 - + Nam giáp Rạch Chàm.

Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của bà Lê Thị C thực tế là diện tích 730m², là phù hợp Điều 612 BLDS năm 2015.

[5] Bản án sơ thẩm nhận định: ông Lê Văn B và bà Lê Thị B từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị C, nên xác định kỹ phần thừa kế để chia di sản của bà Lê Thị C là 10 người gồm bà Lê Thị Bích T; bà Lê Thị H; bà Lê Thị L; bà Lê Thị C; bà Lê Thị M; bà Lê Thị M1; bà Lê Thị Kim C1; bà Lê Thị T1; ông Lê Văn U và anh Lê Minh T, là có căn cứ. Đồng thời, bản án sơ thẩm nhận định: hộ gia đình bà Lê Thị Bích T gồm các thành viên bà Lê Thị Bích T, ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Lê Ngọc D và chị Nguyễn Lê D có sử dụng 01 lối đi có chiều ngang 01m, dài hết 33m qua thửa 476 của bà Lê Thị C để đi ra đường công cộng; ngoài lối đi này, bà T và gia đình không còn lối đi nào khác. Mặt khác, các đồng thừa kế gồm bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị Kim C1, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn U đồng ý giao cho bà Lê Thị Bích T phần diện tích đất và nhận giá trị kỹ phần thừa kế; còn anh Lê Minh T là người đang sử dụng đất, trồng cây trên đất, nhưng a T không có nhà ở trên đất, a T đã có chỗ ở ổn định nơi khác; giữa bà Lê Thị Bích T và anh Lê Minh T xảy ra mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi. Do đó, bản án sơ thẩm đã giao cho bà Lê Thị Bích T được quản lý sử dụng thửa 476 diện tích 870m² (diện tích thực tế 730m²), tài sản trên đất và bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỹ phần cho các đồng thừa kế khác mỗi kỹ phần 36.500.000 đồng là có căn cứ. Bản án sơ thẩm cũng buộc bà Lê Thị Bích T hoàn trả giá trị cây ăn trái như: 18 cây sầu riêng loại C, 02 bụi chuối loại A, 03 cây dứa loại A, 01 cây dứa loại B1, 01 cây dứa loại B2, 01 cây bưởi loại D, hệ thống tưới do ông T lắp đặt (bao gồm 01 máy môtô 1,5HP và ống dẫn tưới PVC và công đập mô sầu riêng cho anh Lê Minh T với tổng giá trị tài sản là 15.051.000 đồng, là phù hợp.

Đối với một số cây trồng do bà Lê Thị C trồng gồm: 03 cây dứa loại A; 02 cây dứa loại B1; 01 cây dứa loại B2; 01 bụi tre loại 2; 01 cây sáo loại D: các đương sự thống nhất, không yêu cầu chia, nên cấp sơ thẩm ghi nhận, là có căn cứ.

Ngoài ra, trong giai đoạn phúc thẩm, bà Lê Thị T1 mất, Tòa án đã đưa 02 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị T1 là chị Huỳnh Thị Kim C và Huỳnh Trọng N vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, nên bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỹ phần thừa kế mà Lê Thị T1 được hưởng cho chị Huỳnh Thị Kim C và anh Huỳnh Trọng N.

[6] Bị đơn Lê Minh T kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho anh được quyền sử dụng diện tích 730m². Qua các

phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Minh T thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể anh đồng ý chia thừa kế di sản của bà Lê Thị C, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị Kim C1, ông Lê Văn B, bà Lê Thị B nhường kỹ phần thừa kế cho anh được hưởng; yêu cầu xem xét công sức giữ gìn, quản lý và tôn tạo đối với di sản của anh là 10%; yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất; anh đồng ý trừ phần diện tích lối đi cho gia đình bà Lê Thị Bích T và anh hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Minh T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh T:

[7.1] Giai đoạn phúc thẩm, bị đơn Lê Minh T nộp cho Tòa án bản tự khai của bà Lê Thị Kim C1, theo đó bà Lê Thị Kim C1 nhường kỹ phần thừa kế được hưởng theo bản án sơ thẩm số 226 ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện CT cho anh Lê Minh T. Xét, đây là tự nguyện của bà Lê Thị Kim C1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà Lê Thị Bích T không phải hoàn trả giá trị kỹ phần thừa kế cho bà Lê Thị Kim C1.

Đồng thời, anh Lê Minh T cũng nộp cho Tòa án bản tự khai đề ngày 05/01/2021 của ông Lê Văn B, bà Lê Thị B, trong đó ông Bé và bà Ba cho rằng Tòa án sơ thẩm không giải thích rõ ràng, cụ thể và giải quyết chia thừa kế nên ông bà từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị C để lại; nếu Tòa án giải quyết cho ông, bà thì ông bà nhường phần của ông bà được hưởng cho anh Lê Minh T toàn quyền quản lý, sử dụng.

Xét, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, ông Lê Văn B, bà Lê Thị B đều xác định từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị C, mọi vấn đề về di sản này do hàng thừa kế khác định đoạt, ông bà không tranh chấp (bút lục 51, 52), nên án sơ thẩm không chia thừa kế cho ông Lê Văn B, bà Lê Thị B, là có căn cứ. Tuy nhiên, để làm rõ ý chí của ông Lê Văn B, bà Lê Thị B đối với việc chia thừa kế của bà Lê Thị C và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa ngày 22/4/2021 để triệu tập ông Lê Văn B, bà Lê Thị B tham dự phiên tòa ngày 05/5/2021, nhưng ông Lê Văn B và bà Lê Thị B vắng mặt, nên xem như ông Lê Văn B và bà Lê Thị B từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định kỹ phần thừa kế được chia là 10 người như bản án sơ thẩm đã xác định.

[7.2] Anh Lê Minh T được hưởng 02 kỹ phần thừa kế, nếu chia bằng hiện vật sẽ là diện tích 146m², nếu chia bằng giá trị sẽ là 73.000.000 đồng (mỗi kỹ phần 73m² x 500.000 đồng). Căn cứ kết quả đo đạc thì thửa 476 có diện tích thực tế là 730m² được chia 02 phần gồm 01 phần diện tích 588,6m² và 01 phần có diện tích 141,4m², nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Minh T không đồng ý nhận phần diện tích 141,4m² mà anh yêu cầu nhận toàn bộ thửa 476 diện tích 730m². Xét, yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích 730m² của anh Lê Minh T là không phù hợp. Bởi lẽ, anh Lê Minh T chỉ được 02 kỹ phần, còn bà Lê Thị Bích T được các đồng thừa kế bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn U đồng ý giao đất cho bà T và hoàn trả giá trị cho họ.

[7.3] Đối với yêu cầu xem xét công sức quản lý, giữ gìn và tôn tạo di sản: Anh Lê Minh T cho rằng sau khi bà Lê Thị C mất, anh là người trực tiếp canh tác, quản lý thửa 476, diện tích 830m²; còn bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị C và ông Lê Văn U đều trình bày a T có nhà đất riêng, không có công sức gì đối với di sản của bà C, anh T chỉ là người trồng cây và hưởng huê lợi của cây trái do a T

trồng từ 03 năm nay. Anh Lê Minh T cũng không có chứng cứ gì chứng minh công sức quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị di sản. Hơn nữa, biên bản xác minh ngày 30/6/2020, Ủy ban nhân dân xã PP xác định: “UBND xã PP lập hồ sơ kê khai thuế để đề nghị Chi cục thuế huyện CT, tỉnh Tiền Giang ra thông báo thu thuế quyền sử dụng đất phi nông nghiệp đối với thửa số 476, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² tại ấp PH, xã PP, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang người nộp thuế là anh Lê Minh V dựa trên việc: do sau khi bà C mất thì anh V là người trong cùng hộ khẩu duy nhất còn lại và sống cùng bà C, anh V là người quản lý và sử dụng phần đất thửa 476 khi bà C mất” (bút lục 132).

[8] Về án phí: Ông Lê Văn U, bà Lê Thị H, bà Lê Thị C và bà Lê Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí DSST cho ông U, bà H, bà C và bà L.

Bà Lê Thị Bích T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 36.500.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Lê Minh T số tiền 15.051.000 đồng giá trị cây trồng và tài sản, tổng cộng là 51.551.000 đồng, lẽ ra bà T phải nộp 2.577.000 đồng án phí DSST nhưng bản án sơ thẩm chỉ buộc bà T nộp 1.825.000 đồng, là chưa phù hợp.

Anh Lê Minh T được hưởng 02 kỷ phần thừa kế có tổng giá trị là 73.000.000 đồng, nên a T phải nộp 3.650.000 đồng án phí DSST. Bà Lê Thị Kim C1 không phải nộp án phí DSST. Anh Lê Minh T không phải nộp án phí DSPT.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh T. Sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị Kim C1 nhường kỷ phần thừa kế cho anh Lê Minh T. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh T.

Ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị Kim C1 nhường kỷ phần hưởng thừa kế cho anh Lê Minh T.

Sửa bản án sơ thẩm số 266/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Lê Minh V về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 1998 giữa bà Lê Thị C và anh Lê Minh V đối với thửa đất số 476, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 730m², loại đất T+Q, địa chỉ thửa đất ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996 do bà Lê Thị C đứng tên.

2. Ghi nhận tự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia cây trồng do bà Lê Thị C gồm: 03 cây dừa loại A; 02 cây dừa loại B1; 01 cây dừa loại B2; 01 bụi tre loại 2; 01 cây sapo loại D.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Lê Thị H; Lê Thị L; Lê Thị M; Lê Thị M1; Lê Thị C; Lê Thị Kim C1; Lê Thị T1; ông Lê Văn U về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Lê Thị C:

- Chia cho bà Lê Thị Bích T được quyền sử dụng thửa 476, diện tích đất 870m² (diện tích đo đạc thực tế là 730m²), tờ bản đồ số 3, loại đất T+Q, tại ấp Ph, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00708 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 11/11/1996 do bà Lê Thị C đứng tên. Thửa đất gồm 02 phần, có vị trí và tứ cận như sau:

* Phần thứ nhất diện tích 588,6m² có vị trí, tứ cận:

- + Đông giáp thửa 477 của ông Nguyễn Văn D;
- + Tây giáp thửa 478 của bà Nguyễn Thị N;
- + Bắc giáp thửa 475 của ông Nguyễn Văn C;
- + Nam giáp đường bê tông

* Phần thứ hai diện tích 141,4m² có vị trí, tứ cận:

- + Đông giáp thửa 477 của ông Nguyễn Văn D;
- + Tây giáp thửa 478 của bà Nguyễn Thị N;
- + Bắc giáp đường bê tông;
- + Nam giáp Rạch Chàm.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc)

- Bà Lê Thị Bích T được quyền ở hữu, quản lý toàn bộ cây trồng gồm 18 cây sầu riêng loại C, 02 bụi chuối loại A, 06 cây dừa loại A, 03 cây dừa loại B1, 02 cây dừa loại B2, 01 cây bưởi loại D, 01 cây điều loại B2, chuối loại A 02 bụi, 01 bụi tra loại 2, 01 cây sapo loại D; hệ thống tưới do ông T lắp đặt (bao gồm 01 máy motor 1,5HP và ống dẫn tưới PVC); đường đal có diện tích 33m x 1m.

- Bà Lê Thị Bích T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Lê Minh T giá trị của 02 kỹ phần thừa kế và giá trị cây trồng, tài sản trên đất với tổng số tiền là 88.051.000 đồng (Tám mươi tám triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng).

- Bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị T1 (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T1 là chị Huỳnh Thị Kim C và anh Huỳnh Trọng N nhận) và ông Lê Văn U giá trị kỹ phần thừa kế của mỗi người là 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị Bích T phải nộp 2.577.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 375.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009795 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó còn phải nộp tiếp 2.202.000 đồng.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H. Hoàn lại bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01500 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị L. Hoàn lại bà Lê Thị L số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01502 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị C. Hoàn lại bà Lê Thị C đã nộp 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01507 ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Lê Thị M phải nộp 1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01501 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó còn phải nộp tiếp 1.525.000đồng.

- Bà Lê Thị M1 phải nộp 1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01499 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó còn phải nộp tiếp 1.525.000 đồng.

- Bà Lê Thị T1 phải nộp 1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 375.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01506 ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị T1 là chị Huỳnh Thị Kim C và anh Huỳnh Trọng N phải nộp tiếp 1.450.000 đồng.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn U. Hoàn lại ông Lê Văn U đã nộp 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01508 ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại bà Lê Thị Kim C1 số tiền 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01679 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Lê Minh T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và phải nộp 3.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003152 ngày 03/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 3.350.000 đồng.

- Anh Lê Minh V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01780 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CT;
 - Chi cục THADS huyện CT;
 - Các đương sự;
 - Đăng công TTĐT;
 - Lưu hồ sơ, án văn.
- DSPT-Tâm-2021

Lê Thị Hồng Tâm